

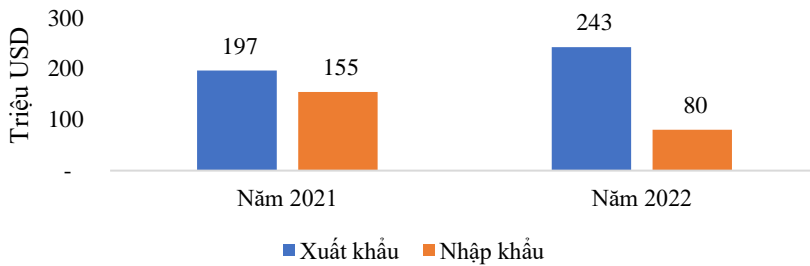
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

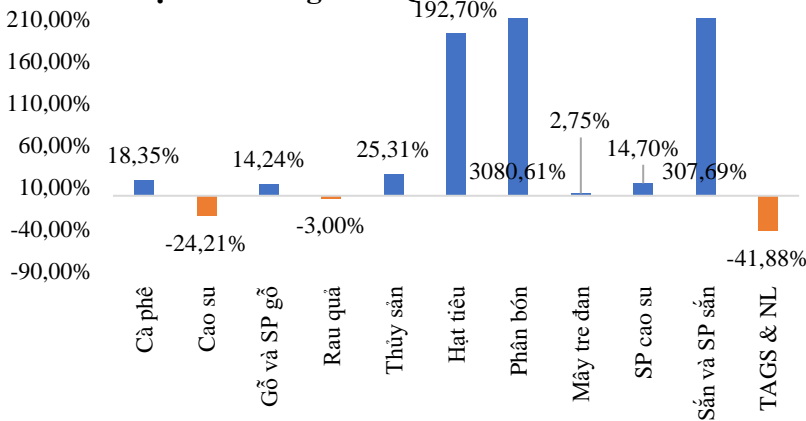
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T03-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T03-2022/2021**

- Xuất khẩu ▲ 23,58 %
- Nhập khẩu ▼ 48,12 %

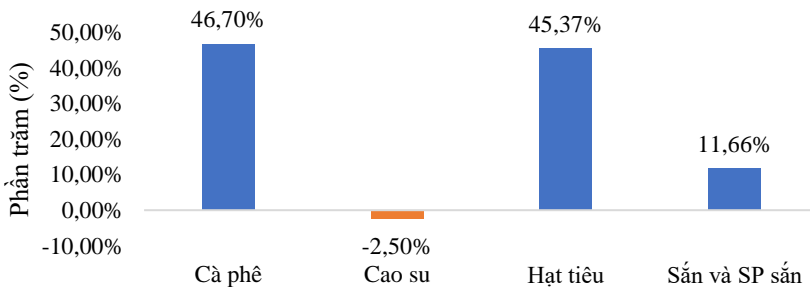
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T03-2022/2021**



So sánh T03-2022/2021

- Cà phê ▲ 18,35%
- Cao su ▼ 24,21%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 14,24%
- Hàng rau quả ▼ 3,00%
- Hàng thủy sản ▲ 25,31%
- Hạt tiêu ▲ 192,70%
- Phân bón ▲ 3080,61%
- Máy tre đan ▲ 2,75%
- SP từ cao su ▲ 14,70%
- Sản và SP sản ▲ 307,69%
- TAGS & NL ▼ 41,88%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T03-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T03-2022/2021**

- Cà phê ▲ 46,70%
- Cao su ▼ 2,50%
- Hạt tiêu ▲ 45,37%
- Sản và SP sản ▲ 11,66%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong quý đầu tiên năm 2022 có thể chậm lại đáng kể bởi các chính sách hạn chế nhằm ngăn chặn sự lây lan dịch Covid-19. Theo dự báo, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế đứng thứ tư châu Á trong quý I/2022 chỉ tăng 0,6% so với quý cuối 2021 và tăng 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thống đốc mới của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) Rhee Chang-yong cảnh báo, tăng trưởng kinh tế dự kiến tiếp tục suy yếu và về lâu dài, nền kinh tế có thể trì trệ trong bối cảnh dân số già và năng suất giảm.

Ông Kyu-yeon Chun, nhà kinh tế tại Hana Financial Investment, Seoul cho biết do sự lây lan nhanh chóng của Covid-19 trong quý đầu tiên, tiêu dùng tư nhân sẽ yếu hơn dự kiến vào đầu năm nay, lạm phát cao do cuộc xung đột tại Ukraine cũng có khả năng làm hạn chế tăng trưởng. Động lực tăng trưởng từ khu vực bên ngoài cũng có khả năng yếu đi vì thặng dư thương mại bị thu hẹp bởi giá nguyên liệu đầu vào tăng.

Hàn Quốc sẽ phải đối mặt với nguy cơ gián đoạn sản xuất chip bán dẫn bởi cuộc xung đột giữa Nga-Ukraine, do quốc gia này có nhu cầu nhập khẩu năng lượng và nguyên liệu lớn để sản xuất. Thêm vào đó, việc lạm phát cao kéo dài hàng thập niên và nền kinh tế Trung Quốc - đối tác thương mại lớn nhất của nước này đang chậm lại, khiến nền kinh tế Hàn Quốc có thể mất đà trong năm nay và năm tới.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng năm 2022 của Hàn Quốc từ 3,0% xuống 2,5% trong khi nâng dự báo lạm phát từ 3,1% lên 4,0%.

Theo Tổng cục Hải quan, mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc có tốc độ tăng trưởng rất cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 16,55 triệu USD, tăng 130,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu dăm gỗ mới chỉ chiếm 10,8% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Hàn Quốc.

Trong quý I/2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc đạt 248,8 triệu USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Gỗ, ván và ván sàn và mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ là 2 mặt hàng xuất khẩu chính tới thị trường Hàn Quốc trong 2 tháng đầu năm 2022, với trị giá xuất khẩu đạt 50,1 triệu USD, chiếm 55% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc.

Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đạt 33,9 triệu USD, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, tiềm năng xuất khẩu nhóm hàng này tới thị trường Hàn Quốc vẫn rất lớn, bởi nhu cầu nhập khẩu của thị trường ở mức cao

Ngoài ra, còn một số mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ khác cũng xuất khẩu tới thị trường Hàn Quốc trong 2 tháng đầu năm 2022 nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ...

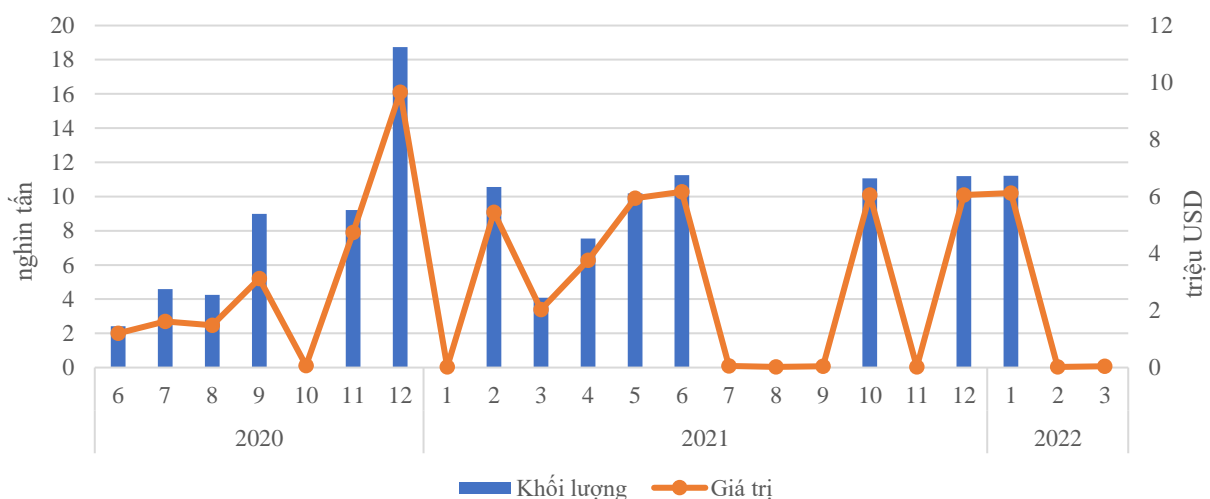
Tháng 03/2022, Việt Nam xuất khẩu 242,9 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 38,2%, thứ hai là thủy sản với 33,7%, rau quả chiếm 7,2%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cao su, rau quả và thức ăn gia súc và nguyên liệu là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 81,1 tấn gạo, trị giá 43,0 nghìn USD sang Hàn Quốc, tăng 84,5% về khối lượng và 100,3% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 98,0% về khối lượng và 97,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 11,4 nghìn tấn, trị giá 6,2 triệu USD, giảm 22,8% về khối lượng và 17,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

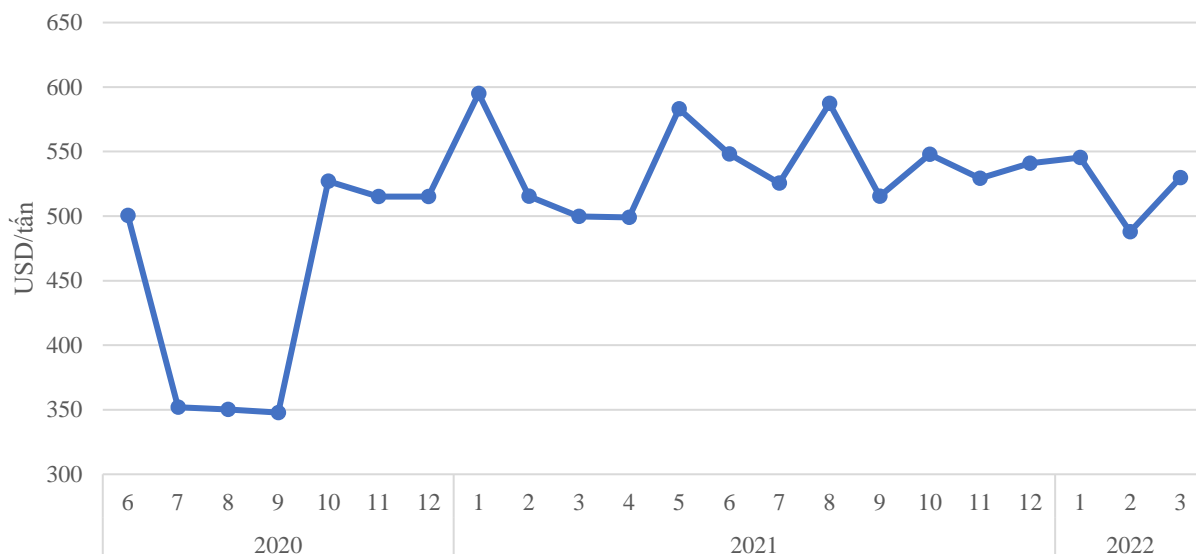
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 3/2022 đạt 529,7 USD/tấn, tăng 8,6% so với tháng trước và 6,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

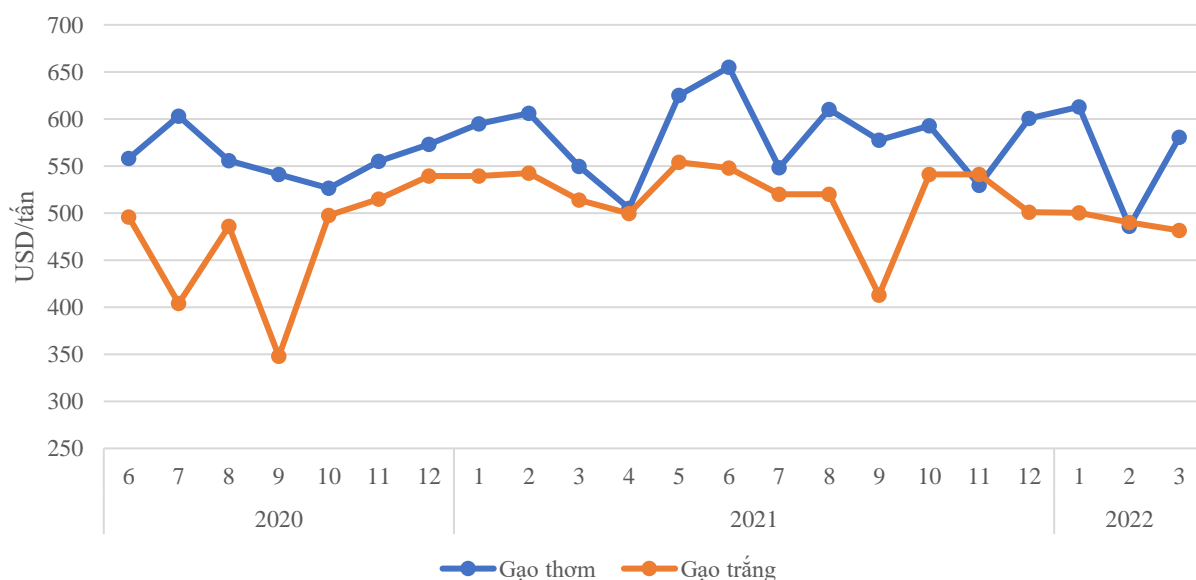


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 47,7% về khối lượng và 48,6% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 580,5 USD/tấn, tăng 19,4% so với tháng trước và 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 481,8 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng trước và 6,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

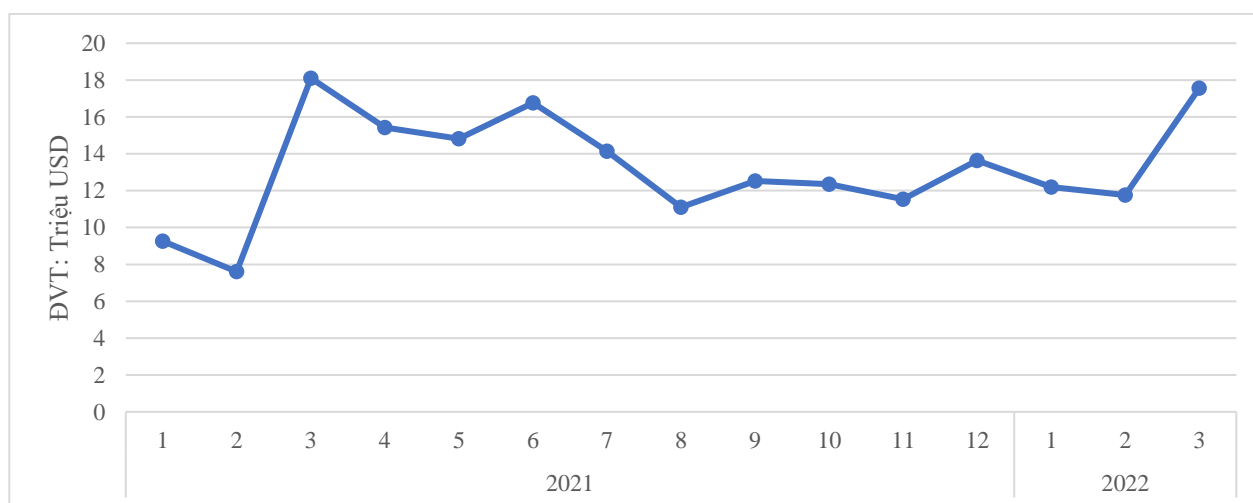


Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 3 năm 2022 đạt 17,6 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 49,4% so với tháng trước và giảm 3,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 41,5 triệu USD (chiếm 4,9% thị phần), tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021.

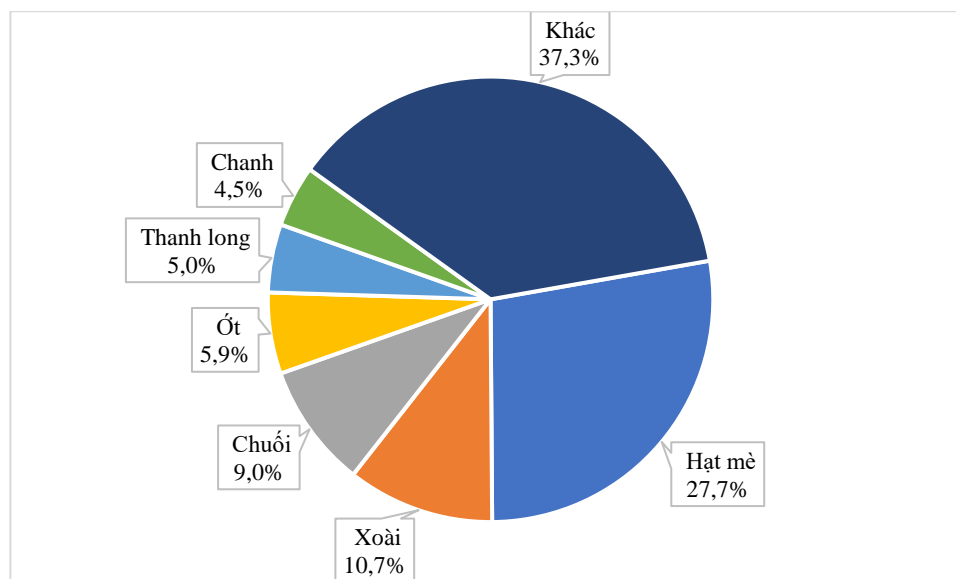
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 3 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,7 triệu USD (chiếm 49,5% thị phần, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 8,9 triệu USD (chiếm 50,5% thị phần), tăng 12,9%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,8 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,2 triệu USD (tăng 60,2%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 537,3 nghìn USD (giảm 12,7%); v.v.

Trong tháng 3 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 4,9 triệu USD (chiếm 27,7% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 39,2% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,9 triệu USD (chiếm 10,7%), tăng 2,3%; chuối đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,0%), tăng 99,0%; ớt đạt 1,0 triệu USD (chiếm 5,9%), giảm 58,1%; thanh long đạt 870,2 nghìn USD (chiếm 5,0%), tăng 34,8%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022

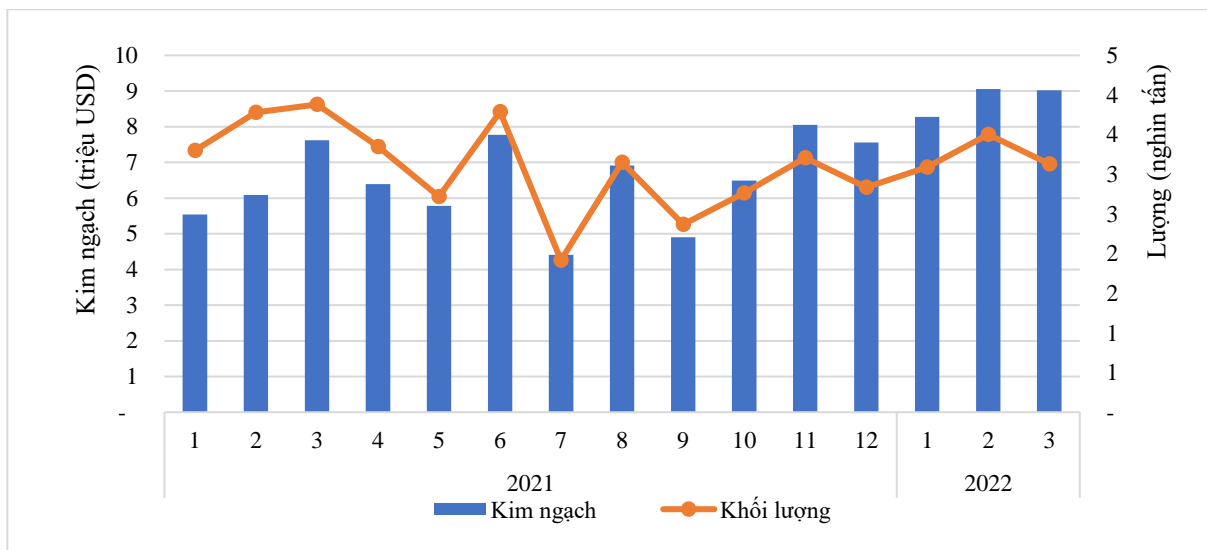
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 3 năm 2022 đạt 6,5 triệu USD, chiếm 4,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 92,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 17,2 triệu USD, chiếm 4,3% thị phần, tăng 42,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 3/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: dâu tây đạt 2,9 triệu USD (chiếm 44,0%), tăng 152,5% so với cùng kỳ năm 2021; rong biển đạt 1,5 triệu USD (chiếm 22,6%), tăng 72,5%; lê đạt 776,9 nghìn USD (chiếm 11,9%), cao gấp 19 lần; nấm các loại đạt 301,3 nghìn USD (chiếm 4,6%), tăng 24,6; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 03/2022 ước đạt 3,1 nghìn tấn với trị giá 9,0 triệu USD, giảm 10,6% về lượng và 0,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 19,3% về lượng nhưng tăng 18,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

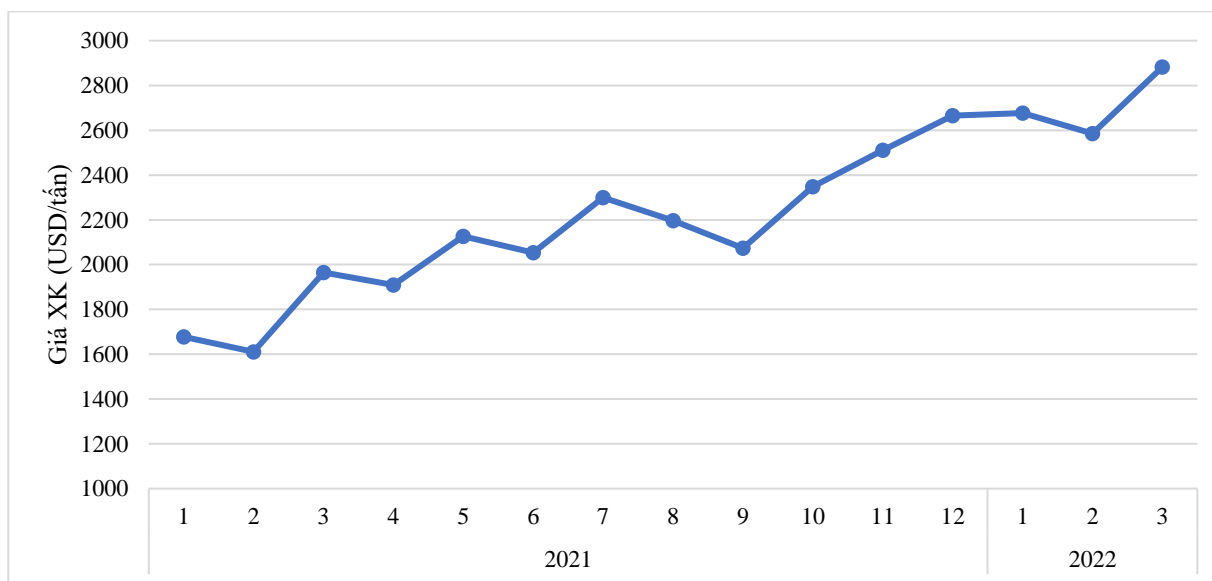
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.882 USD/tấn, tăng 11,5% so với tháng trước và 46,7% so với cùng kỳ năm trước.

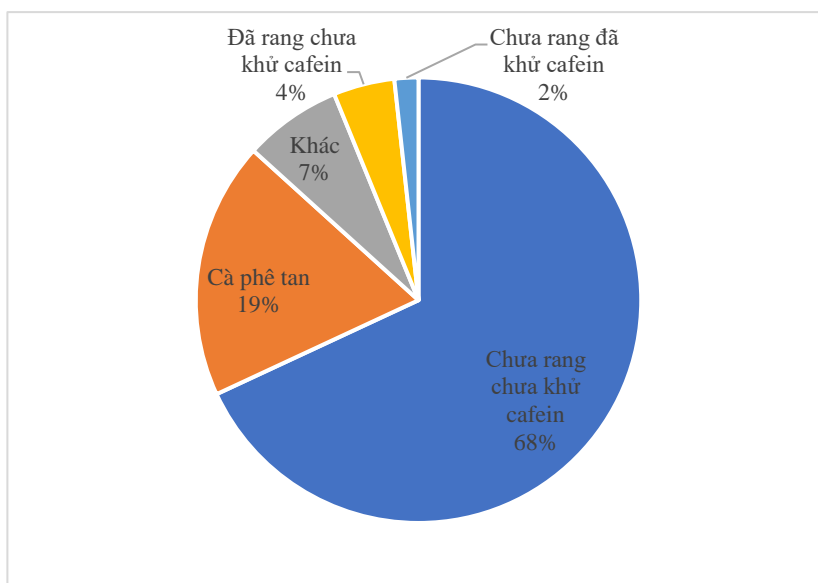
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 6,1 triệu USD, chiếm 68,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,7 triệu USD, chiếm 18,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 4,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022

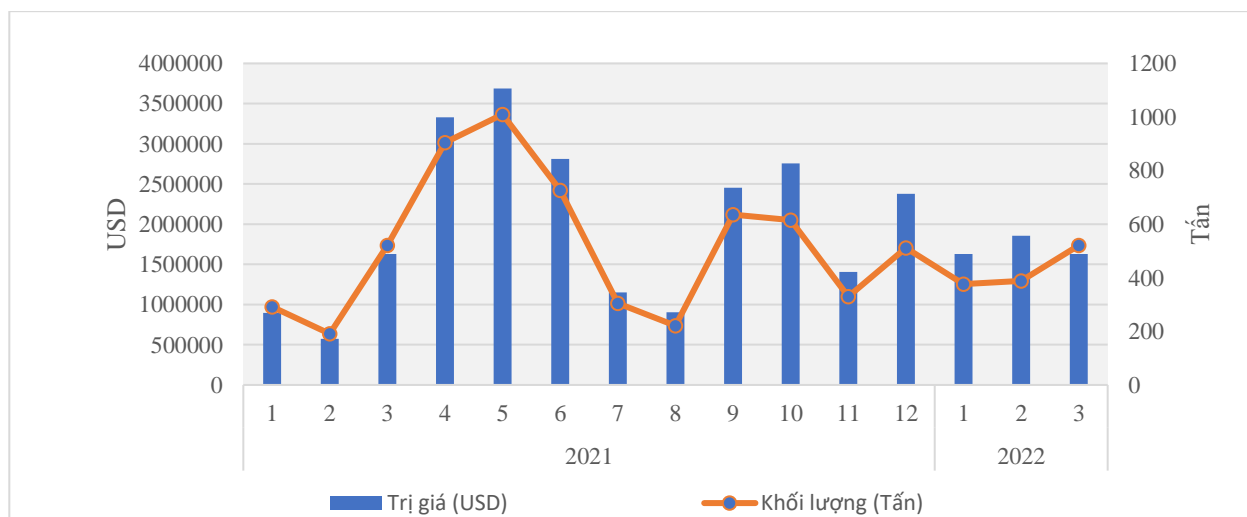


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 3/2022 đã phục hồi so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 521 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,62 triệu USD, tăng 34,28% về khối lượng nhưng giảm 12,7% về giá trị so với tháng trước và tăng 26,15% về khối lượng và 56,48% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

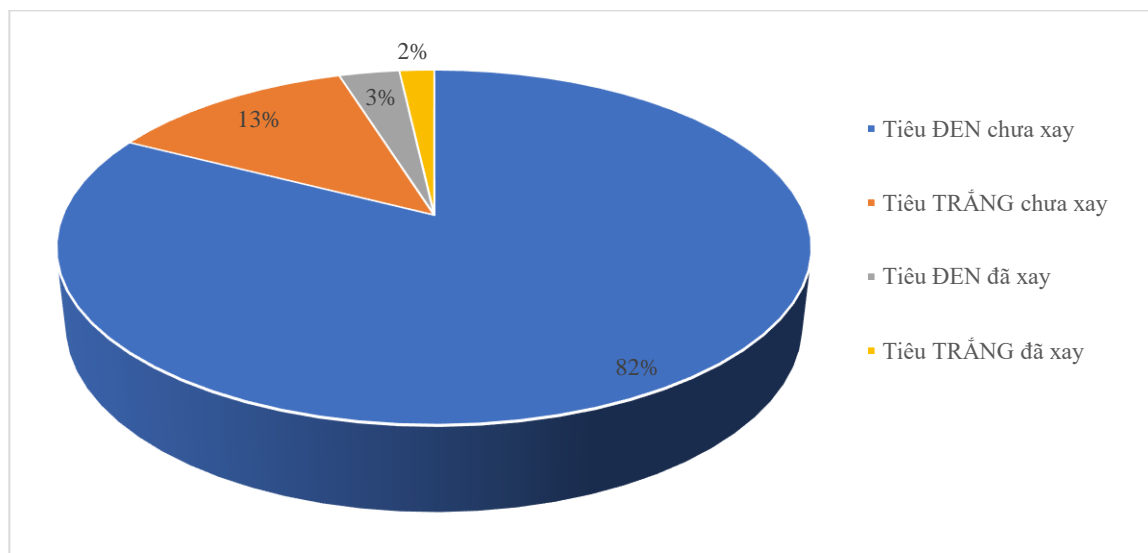
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 3/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 82% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 257% so với tháng trước và 230% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 13%, tăng 128% so với tháng trước và 136% so với cùng kỳ năm 2021.

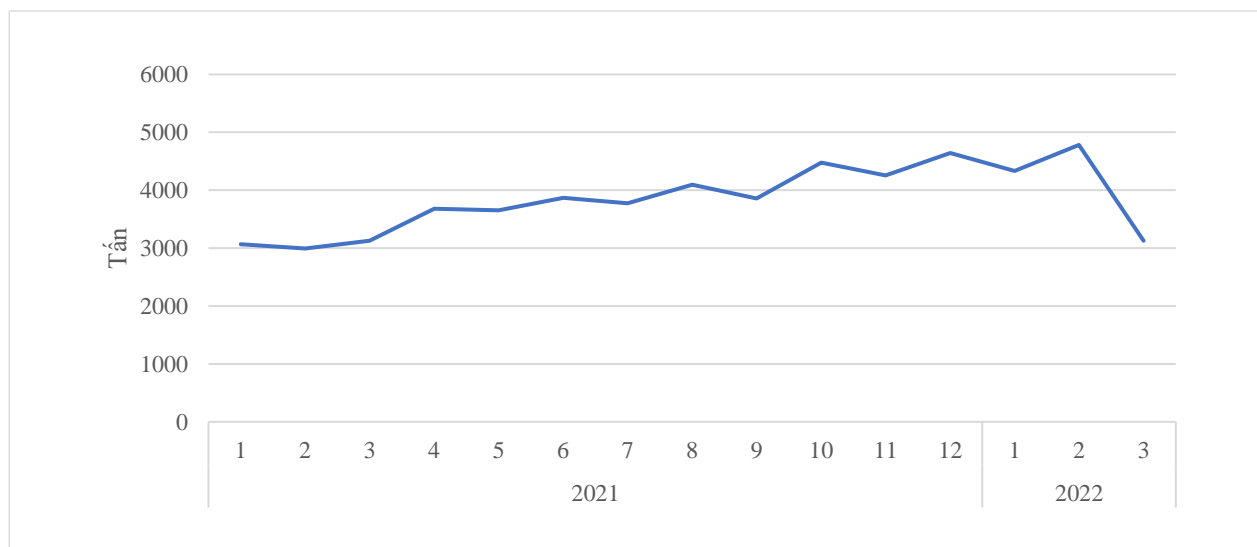
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 3/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 3.128 USD/tấn, giảm 33,8% so với tháng trước nhưng tăng 38% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

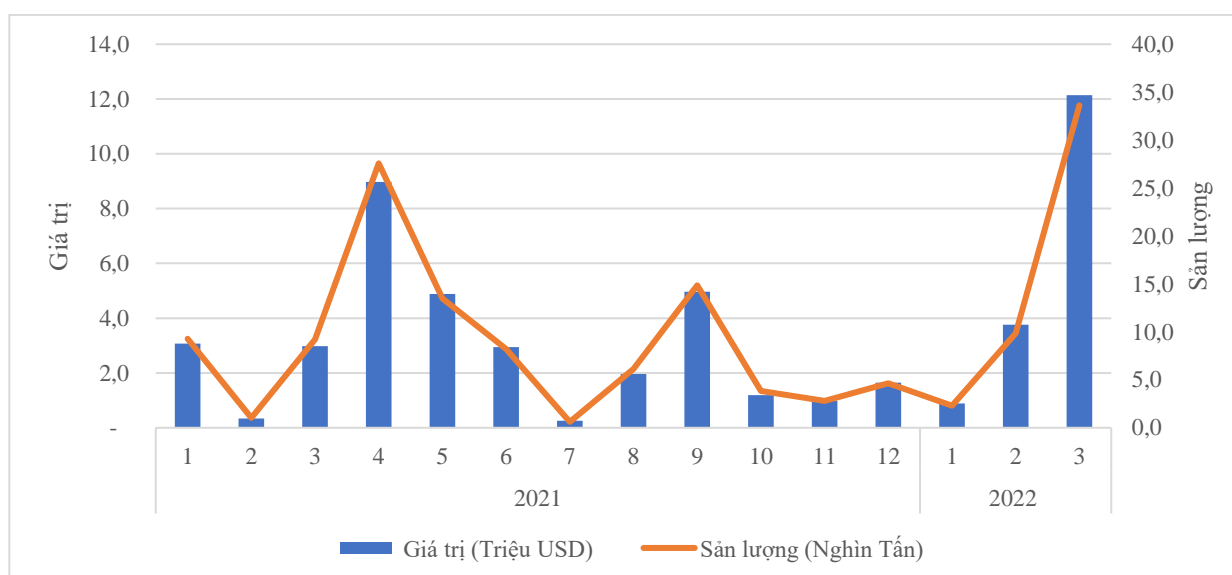


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

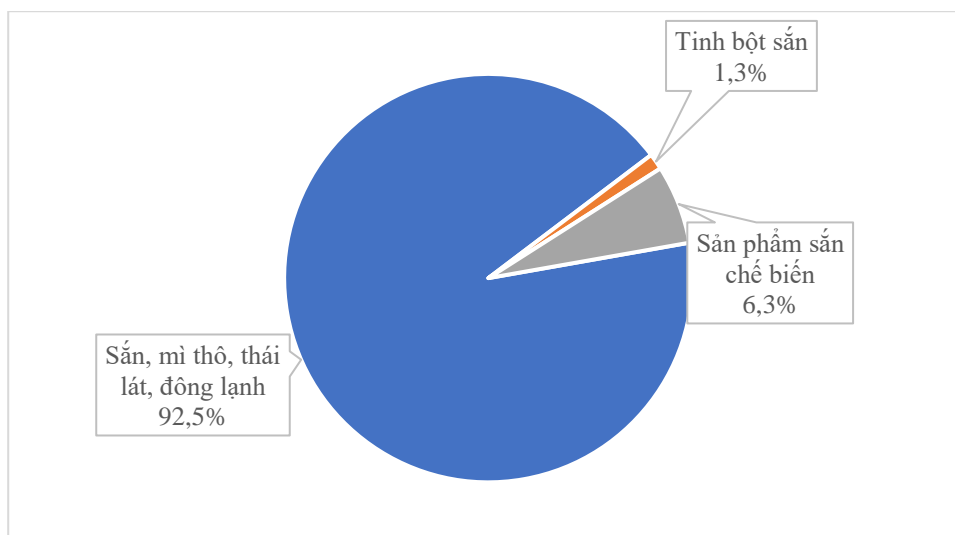
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 33.620 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 12,1 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 241,1% về khối lượng và tăng 222,8% về giá trị so với tháng 2/2022; tăng 265,1% về khối lượng và tăng 307,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 46.565 tấn, trị giá đạt 16,7 triệu USD, tăng 138,2% về khối lượng và tăng 161,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 7,5% về khối lượng và 6,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 3 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 11,0 triệu USD (chiếm 92,5% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng 387,1% so với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sản đạt 155,1 nghìn USD (chiếm 1,3%), giảm 55,7%; sản phẩm sản chế biến đạt 759,3 nghìn USD (chiếm 6,3%), tăng 135,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

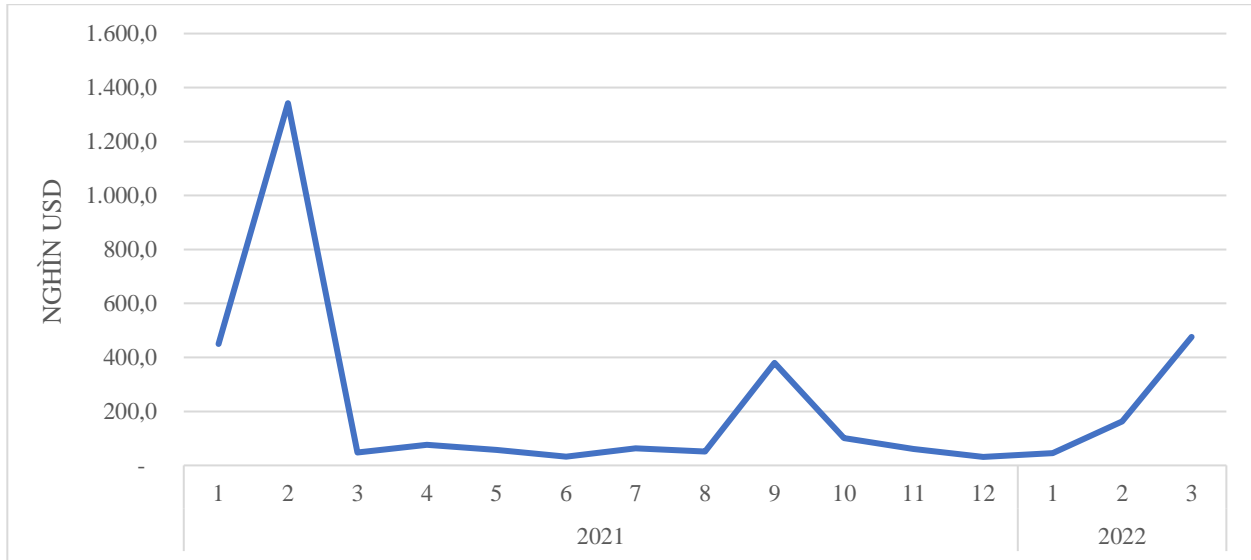
6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo USDA và Liên đoàn Xuất khẩu Thịt Mỹ (USMEF), xuất khẩu thịt heo của Mỹ tiếp tục giảm trong tháng 2 so với cùng kỳ năm trước, vì khối lượng xuất khẩu lớn sang Mexico và Nhật Bản, Hàn Quốc không thể bù đắp nhu cầu tiếp tục suy yếu từ thị trường Trung Quốc và Hong Kong. Xuất khẩu thịt heo Mỹ sang Hàn Quốc tiếp tục đạt mức tăng giá trị ấn tượng, nhờ nhu cầu đối với thịt heo ướp lạnh. Xuất khẩu sang Caribe và El Salvador cũng tăng cả về khối lượng và chất lượng, nhưng giảm so với cùng kỳ năm ngoái khi bán cho hầu hết các thị trường khác

Xuất khẩu thịt heo Mỹ sang Hàn Quốc tiếp tục đạt mức tăng giá trị ấn tượng, nhờ nhu cầu đối với thịt heo ướp lạnh. Xuất khẩu sang Caribe và El Salvador cũng tăng cả về khối lượng và chất lượng, nhưng giảm so với cùng kỳ năm ngoái khi bán cho hầu hết các thị trường khác. Hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống phục hồi dự kiến sẽ thúc đẩy nhập khẩu của Hàn Quốc tăng 12%. Nhập khẩu của Mexico dự kiến sẽ vẫn ổn định, tăng 4%, do nhu cầu tiêu dùng bị kìm hãm và hoạt động kinh doanh dịch vụ thực phẩm đang phục hồi hỗ trợ tiêu thụ

Trong tháng 3/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 475,6 nghìn USD, tăng 890,6% so với tháng 3/2021 nhưng giảm 191,8% so với tháng trước.

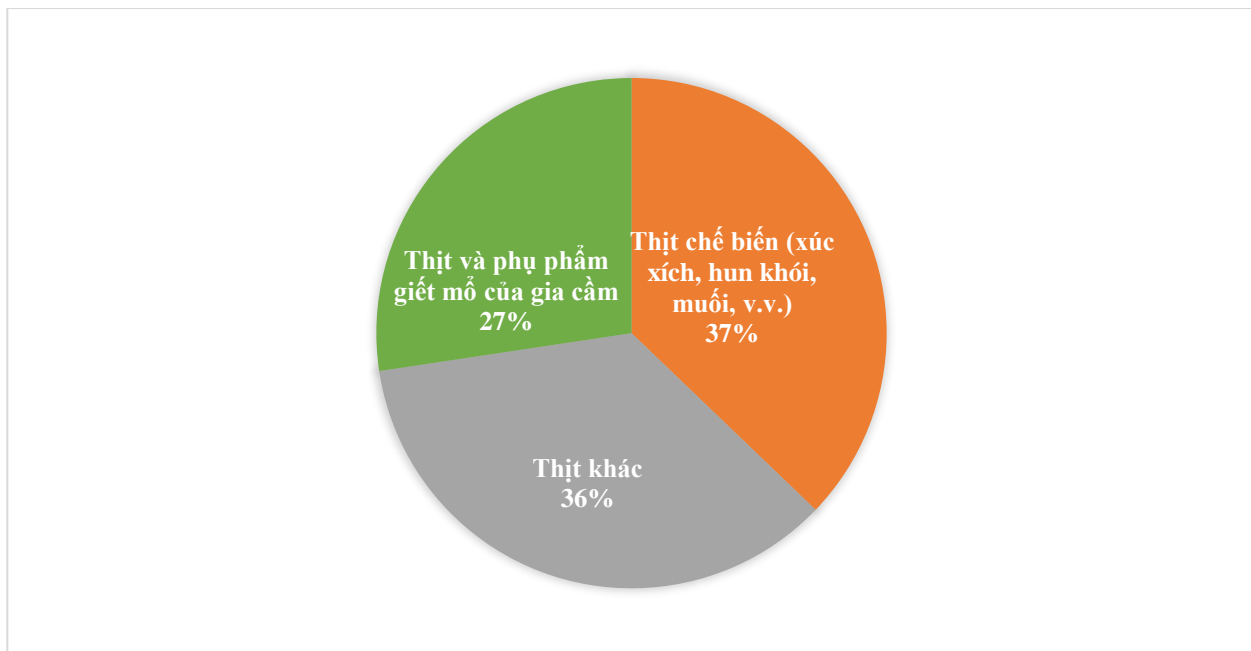
Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về sản phẩm xuất khẩu, thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.) là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 3/2022 chiếm 24,5%, đạt 116,3 nghìn USD; thịt khác chiếm 23,3% đạt 110,9 nghìn USD; thịt và phụ phẩm giết mổ gia cầm chiếm 18% và đạt 85 nghìn USD.

Hình 15: Cơ cấu một số sản phẩm thịt và sản phẩm từ thịt xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

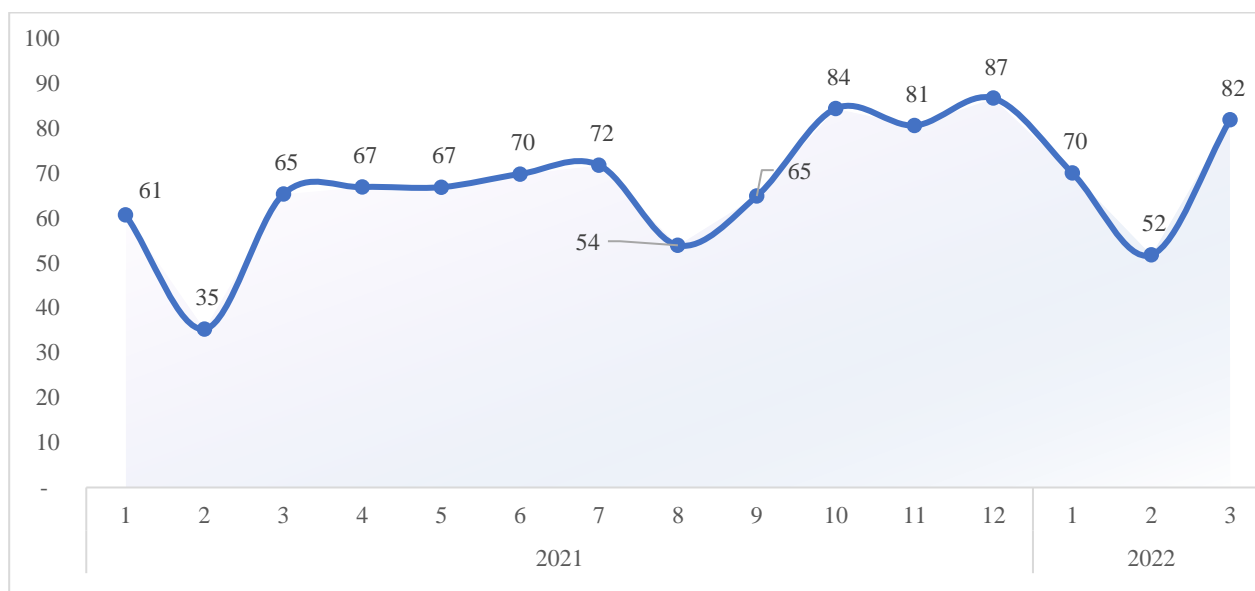
Về nhập khẩu, trong tháng 3/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 6,5 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 76,4% so với tháng trước, và tăng 153,7% so với cùng

kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 3/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 81,8 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này quý I/2022 đạt 203,6 triệu USD, chiếm 8% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 26,3% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 50,2%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 27,3%.

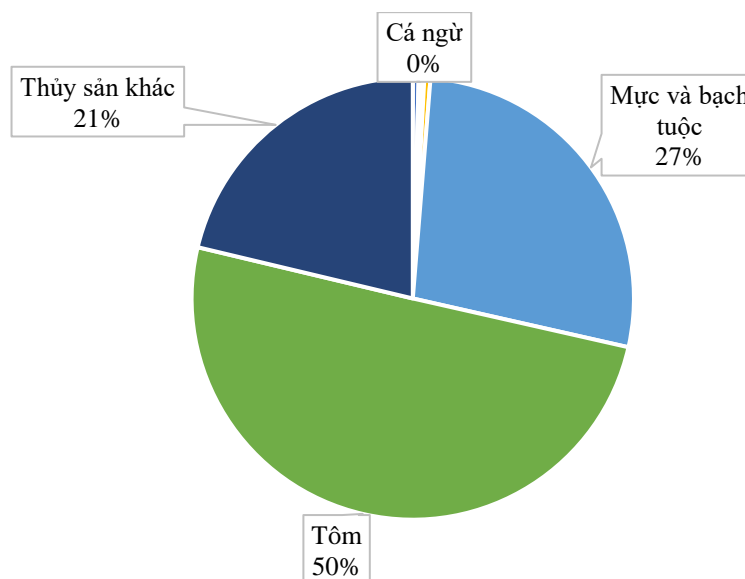
Hình 16: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng tăng trở lại, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm trước và 58,1% so với tháng 2/2022. Trong đó, tăng mạnh nhất là cua gẹ, tăng 333,5% so với cùng kỳ năm trước; tôm tăng 53,5%

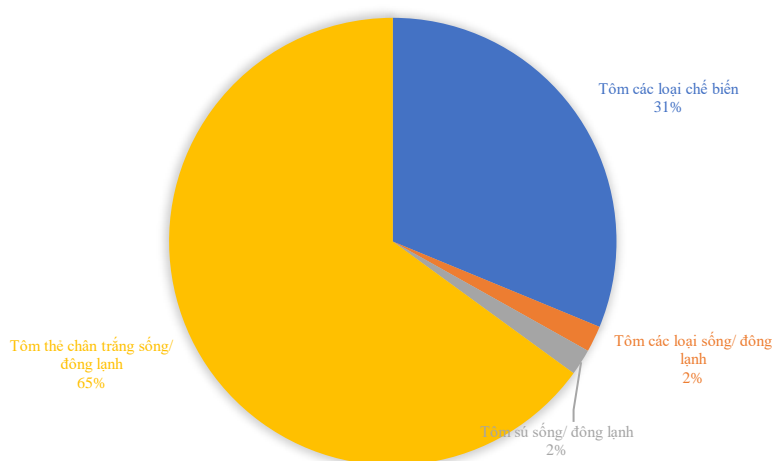
Hình 17. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 3/2022 đạt 41,1 triệu USD, chiếm 50,2% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 65%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 31,2% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022



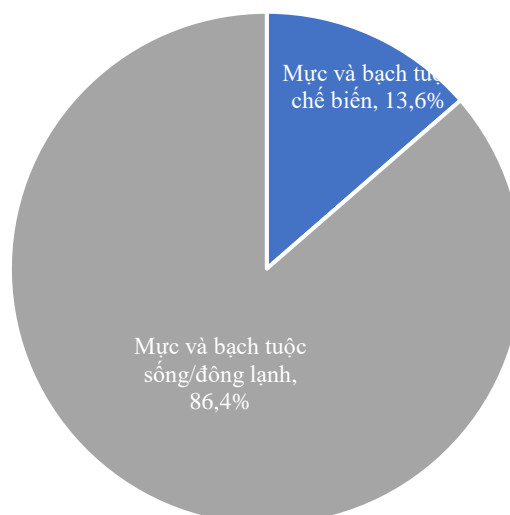
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 26,7 triệu USD tăng 84,5% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến

đạt 12,8 triệu USD, tăng 31,2%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,8 triệu USD, tăng 36,9%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,8 triệu USD, giảm 22,6%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 3 năm 2022 đạt 22,3 triệu USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 19,3 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 3 triệu USD, tăng 12,7%.

Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 3/2022: Cua – ghẹ đạt 0,4 triệu USD, tăng 333,5%; cá da trơn đạt 0,3 triệu USD, tăng 82,2% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,2 triệu USD, tăng 0,7%; cá ngừ đạt 0,1 triệu USD giảm 89,3%;

Tháng 3/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,8 USD/kg, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 10,9 USD/kg, tăng 16,6%.

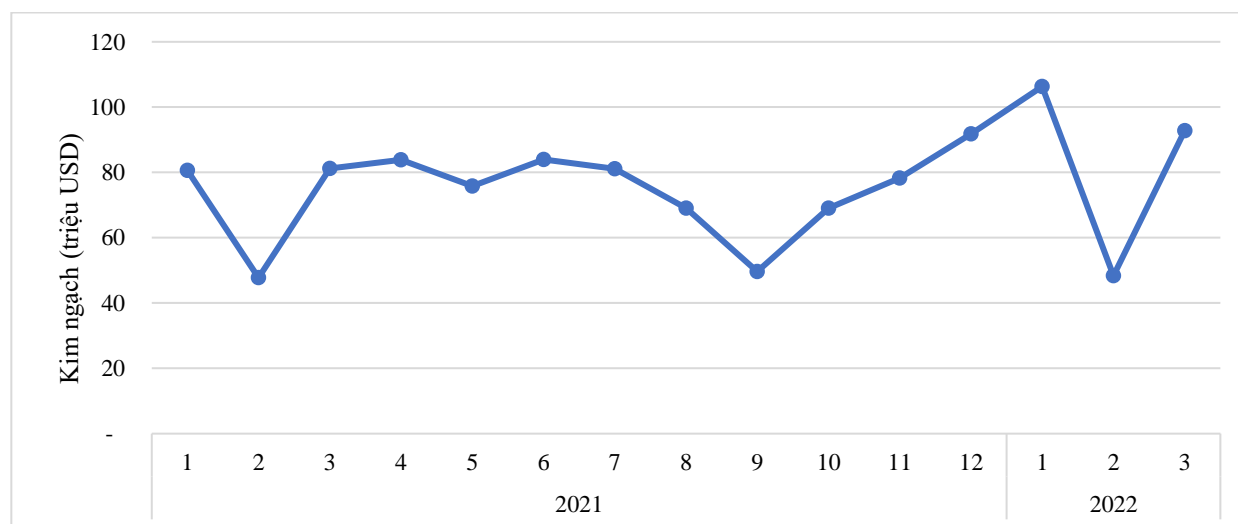
Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,6	46,9%	19,1%
2	Cá rô phi	3,1	17,5%	-0,4%
3	Cua, ghe	5,4	-0,4%	-2,9%
4	Mực và bạch tuộc	10,9	16,6%	20,5%
5	Tôm	8,8	8,4%	-0,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

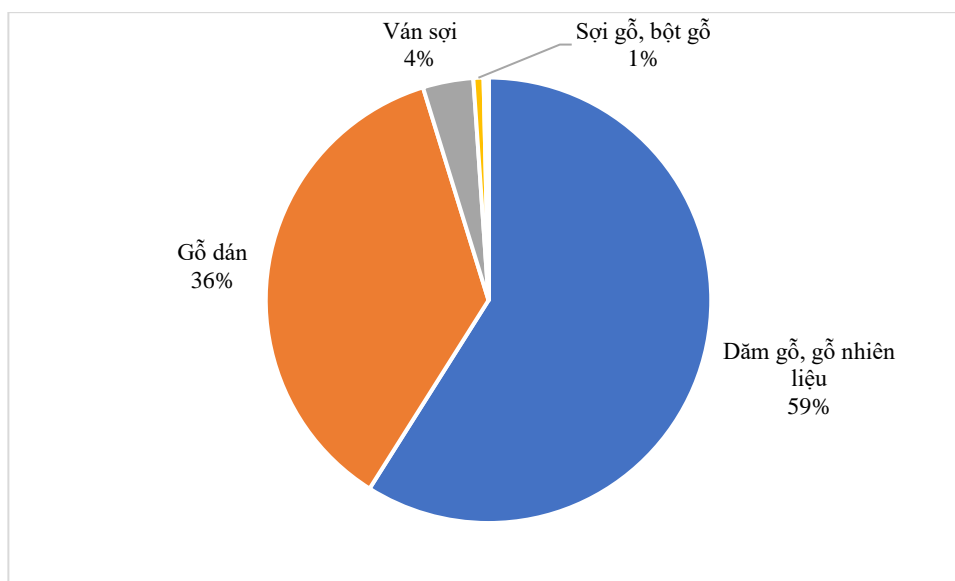
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 92,8 triệu USD, tăng 91,9% so với tháng trước và 14,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 40,2 triệu USD, chiếm 59,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 24,7 triệu USD, chiếm 36,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,7% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 21: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022

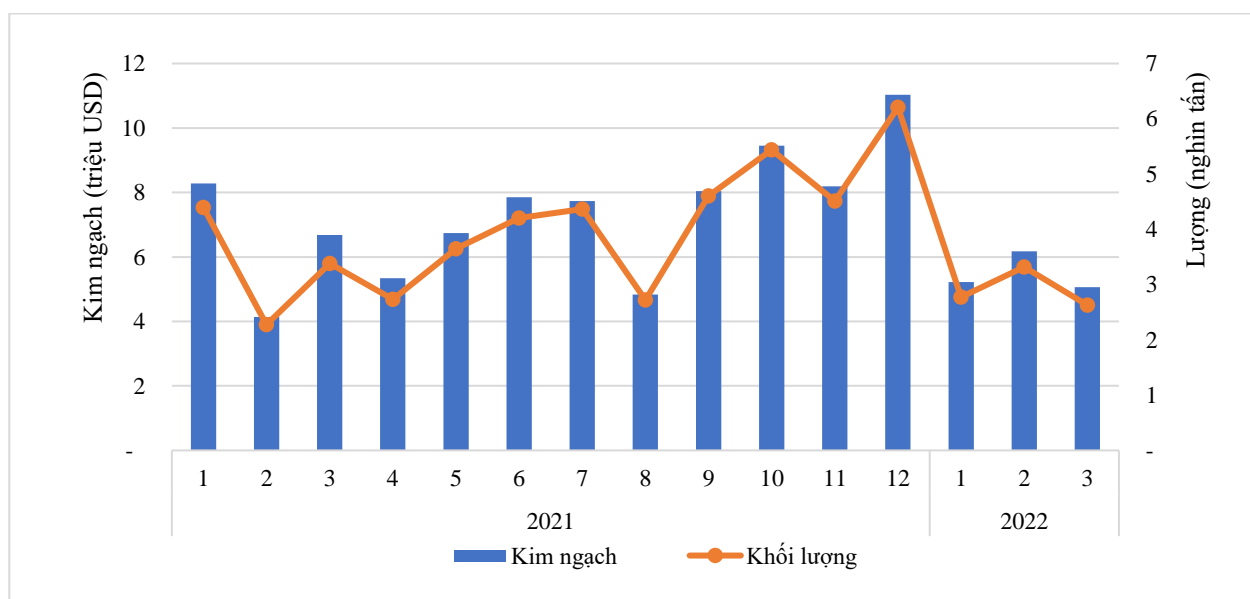


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 2,6 nghìn tấn với trị giá 5,1 triệu USD, giảm 20,8% về khối lượng và 18,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 22,3% về khối lượng và 24,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

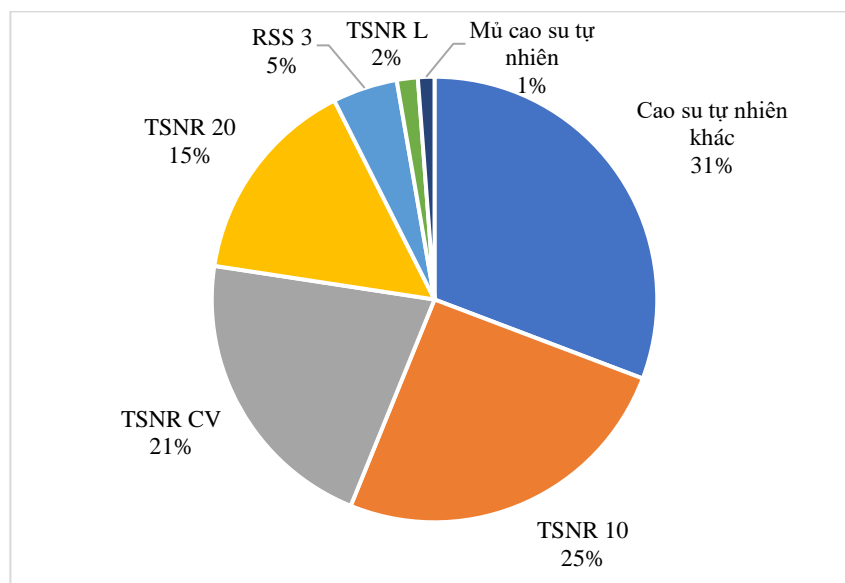
Hình 22: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,3 triệu USD, chiếm 25,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 21,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3 chiếm lần lượt 15,2% và 4,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

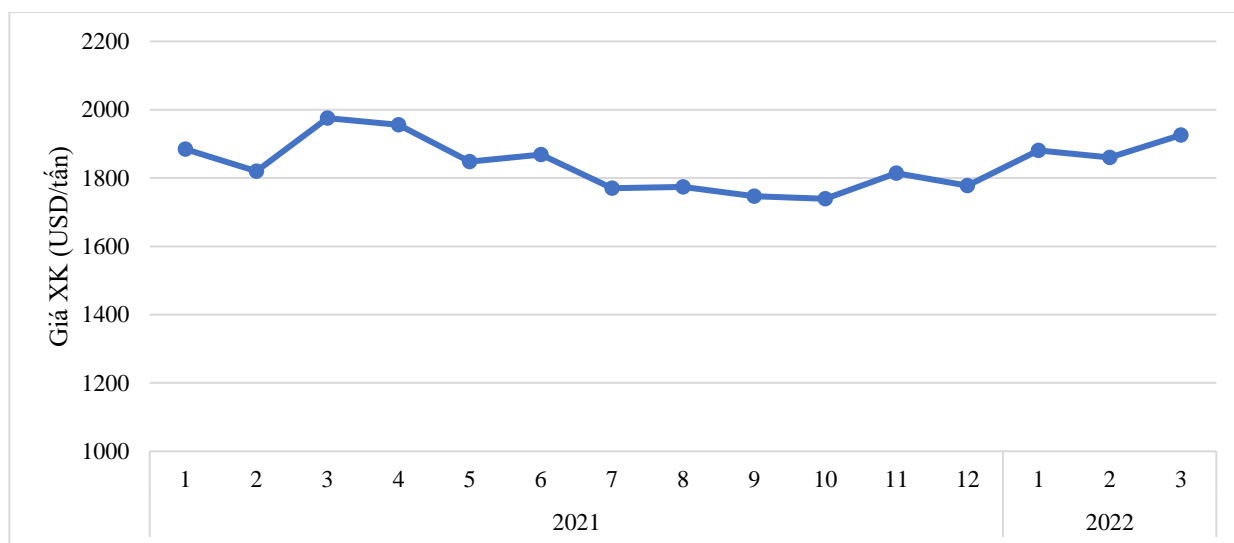
Hình 23: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.926 USD/tấn trong tháng 03/2022, tăng 3,5% so với tháng trước, nhưng giảm 2,5% so với cùng kỳ 2021.

Hình 24: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Giá gạo nội địa tại Hàn Quốc đang có xu hướng giảm, cụ thể: vào cuối Quý I/2022, giá gạo nước này ước khoảng 48.462 won/bao 20kg (khoảng 44,1 nghìn đồng/kg), giảm 1,5% so với Quý trước đó, trong khi Quý trước là thời điểm thu hoạch với nguồn cung dồi dào. Nguyên nhân của việc giá gạo giảm được cho là dự trữ nội địa vốn ở mức lớn nên vụ thu hoạch gần đây đang càng làm trữ lượng cao hơn, trong khi nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng giảm. Do đó, trong tháng 4/2022, chính phủ Hàn Quốc đã quyết định mua 126 nghìn tấn gạo dự trữ để ngăn chặn tình trạng giá gạo giảm trên thị trường mà sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân, những người yếu thế trong xã hội. Tình trạng dư cung, giá giảm này dự báo nhu cầu nhập khẩu gạo của Hàn Quốc trong thời gian tới có thể sẽ giảm.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Nhờ vào các Hiệp định thương mại tự do Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... mà ngành chế biến gỗ Việt Nam đã thuận lợi đưa đơn hàng ra nhiều thị trường, tăng khả năng cạnh tranh với mặt hàng của các quốc gia khác.

Cụ thể, mặt hàng nội thất bằng gỗ xuất khẩu vào các thị trường CPTPP đều tăng mạnh, dẫn đầu là nội thất phòng khách, phòng ăn, tiếp theo là nội thất phòng ngủ. Dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang khối thị trường này còn tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới, vì trong hiện tại, nhiều doanh nghiệp đang gia tăng công suất để kịp tiến độ các đơn hàng đã ký đến hết quý II/2022.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 03/2022

STT	Sản phẩm	T03/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T03/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	9.023.632	18,35%	3,71%
2	Cao su	5.063.707	-24,21%	2,08%
3	Gỗ và SP gỗ	92.795.375	14,24%	38,20%
4	Hàng rau quả	17.560.943	-3,00%	7,23%
5	Hàng thủy sản	81.829.599	25,31%	33,68%
6	Hạt tiêu	4.769.854	192,70%	1,96%
7	Phân bón các loại	6.434.250	3080,61%	2,65%
8	Mây tre đan	2.263.629	2,75%	0,93%
9	SP từ cao su	9.885.782	14,70%	4,07%
10	Sắn và SP từ sắn	12.146.004	307,69%	5,00%
11	TAGS & NL	1.175.339	-41,88%	0,48%
Tổng XK NLTS		242,948,114		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 02/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 03/2021		Tháng 03/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	70	37.685	39	20.915	-44,7%	-44,5%
2.	Gạo nếp	4.008	2.000.584	31	14.361	-99,2%	-99,3%
3.	Các loại gạo khác	0	0	11	7.725		

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 03/2022

Mặt hàng	T03/2021 (USD)	T03/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.414.231	6.139.751	39,09%
Cà phê tan	1.758.493	1.682.056	-4,35%
Khác	793.401	640.330	-19,29%
Đã rang chưa khử cafein	524.015	401.075	-23,46%
Chưa rang đã khử cafein	131.796	156.699	18,90%
Tổng	7.621.936	9.019.911	18,34%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 03/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 03/2021	Tháng 03/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	7.606.483	11.754.191	54,5%
1	Hạt mè	3.489.820	4.857.609	39,2%
2	Xoài	1.836.193	1.878.544	2,3%
3	Chuối	795.451	1.582.784	99,0%
4	Ớt	2.474.522	1.036.431	-58,1%
5	Thanh long	645.397	870.169	34,8%
6	Chanh	309.811	784.570	153,2%
7	Khác	8.552.603	6.550.836	-23,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 03/2022

TT	Sản phẩm	T03/2021 (USD)	T03/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	2.305.797	11.231.535	387,1%
2	Tinh bột sắn	350.345	155.122	-55,7%
3	Sản phẩm sắn chế biến	323.089	759.346	135,0%
	Tổng giá trị XK	2.979.231	12.146.004	307,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2022

Loại sản phẩm	Tháng 03/2022 (USD)	Tháng 03/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	347.582,2	422.681,9	-17,8%
Cá ngừ	109.850,0	1.030.125,1	-89,3%
Cá rô phi	226.082,9	224.409,0	0,7%
Cua, ghe	364.283,5	84.032,8	333,5%
Mực và bạch tuộc	22.305.810,8	20.052.637,0	11,2%
Tôm	41.068.010,2	26.762.347,0	53,5%
Thủy sản khác	17.407.979,4	16.723.273,1	4,1%
Tổng	81.829.599,0	65.299.506,0	25,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan